TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Ông Lê Minh Chiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022, về việc*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 795/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 944/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Đường T, khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Huỳnh Công H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T1, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Kim L vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ chị Lê Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Huỳnh Công H có tìm hiểu nhau khoảng một năm rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại UBND phường N2. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống ở N2 khoảng một năm rồi hai vợ chồng chuyển đến N1 sống. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Khoảng năm 2017 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H làm nghề thợ hồ nhưng không đi làm, ham chơi với bạn bè và ít

quan tâm đến gia đình, anh H đam mê đá gà, anh H nuôi gà đá và đi đá gà độ. Chị có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi. Trong cuộc sống thỉnh thoảng chị có giao lưu với bạn bè nhưng anh H có tính ghen tuông nên xúc phạm chị. Ngoài ra có lần giữa chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn, cháu phía chồng đánh chị trước mặt cả gia đình chồng nhưng anh H không bảo vệ chị. Cha mẹ chồng nói chị đem vàng của vợ chồng về nhà cha mẹ chị. Hơn nữa, vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con nên tình cảm vợ chồng không còn gắn kết như lúc trước. Hiện nay chị và anh H không còn chung sống với nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh H và không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh Huỳnh Công H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn anh Huỳnh Công H vắng mặt. Theo lời khai có tại hồ sơ anh Huỳnh Công H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lê Thị Kim L có tìm hiểu nhau khoảng ba năm rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại UBND phường N2. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống ở N2 khoảng một năm rồi hai vợ chồng chuyển đến N1 sống chung nhà với cha mẹ ruột của anh.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên từ tháng 01/2022 âm lịch đến nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L đi chơi với bạn bè đến 12 giờ đêm mới về. Mẹ anh có khuyên chị L không nên đi chơi về khuya thì chị L không nghe lời còn cãi lại mẹ anh. Sáng hôm sau chị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị L ở N ở vài hôm rồi chị L tự thuê trọ và sống chung với người đàn ông khác, không trở về nữa. Có lần anh trực tiếp chứng kiến chị L ngoại tình với người đàn ông khác. Ngoài ra giữa anh và chị L không có bất cứ mâu thuẫn gì. Từ khi không còn sống chung, anh vẫn quan tâm chị L và thường xuyên đến nhà và nơi làm việc của chị L để thăm. Cha mẹ hai bên cũng biết chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột nên đã khuyên hai vợ chồng hàn gắn tình cảm. Bản thân anh cũng còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Lê Thị Kim L không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có lời khai

và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Huỳnh Công H cư trú tại thôn T1, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim L đã có lời khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Huỳnh Công H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Chị Lê Thị Kim L và anh Huỳnh Công H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại UBND phường N2, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, giữa chị L và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường xuyên kình cãi nhau, hiện nay chị L và anh H không còn sống chung với nhau. Mặc dù Tòa đã hòa giải nhưng chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn anh H thì không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Huỳnh Công H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Huỳnh Công H không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Lê Thị Kim L được ly hôn anh Huỳnh Công H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Huỳnh Công H không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Huỳnh Công H không yêu cầu giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005159 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

5. Về quền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- TAND tỉnh Bình Định;
- UBND phường N2;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh